TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến.

2. Ông Trần Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 399/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 173/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Số X, đường Y, khu phố Z, thị trấn V, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số X, đường Y, khu phố Z, thị trấn V, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thị Q trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 31/10/2011, đăng ký kết hôn số 133/2011. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

ông Đ nghiện rượu, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 13/9/2015. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Quỳnh N, giao cho ông Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Tấn Đ2. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã trình bày: Ông thống nhất với bà Q về quá trình tìm hiểu, kết hôn và con chung. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là do ông bị nghiện rượu, không có công việc ổn định. Bà Q yêu cầu ly hôn thì ông muốn Tòa án cho thời gian để ông bà tự thỏa thuận chia nợ chung, sau đó ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Tấn Đ2, giao cho bà Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Quỳnh N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Q và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 31/10/2011, đăng ký kết hôn số 133/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Q đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là do ông Đ nghiện rượu, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Ông Đ trình bày sẽ đồng ý ly hôn sau khi tự phân chia nợ chung. Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy xử cho bà Q ly hôn ông Đ là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 13/9/2015. Thấy rằng, ông, bà đã tự thống nhất với nhau về việc nuôi con sau khi ly hôn, việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận. Giao cho bà Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Nguyễn Ngọc Quỳnh N; giao cho ông Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Nguyễn Tấn Đ2.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Q là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Q ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 13/9/2015. Ông Nguyễn Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Tấn Đ2, sinh ngày 27/11/2011.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Bà Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017537 ngày 03 tháng 10 năm 2023. Bà Q đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn V;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Nghĩa